

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày: 06 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Hoàng Xuân Lộc;

. Ông Hà Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N - tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn T (tên gọi khác: Heo) - sinh năm 1996 tại huyện N - Khánh Hòa; nơi cư trú: thôn H - xã T - huyện N - tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M (chết) và bà Trần Thị Kim M1; tiền sự: bị xử phạt vi phạm hành chính và bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; tiền án: 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 15/2015/HSST ngày 17/3/2015, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13/5/2016; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Phan Quốc V - sinh năm 1974; trú tại: Thôn H2 - xã T - huyện N - tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Võ Văn M - sinh năm 1987; trú tại: Thôn Phú C1 – xã P - huyện N - tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trần Văn N - sinh năm 1963; trú tại: Thôn H 2 - xã T - huyện N - tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Thu T1 - sinh năm 1974; trú tại: Thôn H2 - xã T - huyện N - tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

+ Ông Nguyễn T2 - sinh năm 1968; trú tại: Thôn QH 2 - xã T - huyện N - tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Ông Võ Hồng C - sinh năm 1969; trú tại: Thôn H1 - xã T - huyện N - tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Chị Phù Thị Kiều T3 - sinh năm 1971; trú tại: Thôn H1 - xã T - huyện N - tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 13/11/2017, Lê Văn T đi bộ một mình đến nhà ông Trần Văn N trú tại thôn H2, xã T, huyện N, tỉnh Khánh Hòa để chơi thì thấy xe mô tô 79F7-7179 của anh Nguyễn Phan Quốc V đang dựng trong sân nhà ông N không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. T lén lút đến xe 79F7-7179, dùng tay tháo dây bình nối với công tắc khóa của xe rồi dắt xe ra khỏi sân nhà ông N. T nổ máy điều khiển xe đến nhà anh Võ Văn M ở thôn Phú C1, xã P, huyện N, tỉnh Khánh Hòa và nói với anh M cho cầm cố xe với giá 1000.000đ (một triệu đồng), vài ngày sau sẽ chuộc lại. Anh M hỏi xe của ai và có giấy tờ gì không thì T trả lời là xe của cô ruột, có giấy tờ cô đang giữ nên anh M đồng ý cầm cố xe với giá trên. Sau khi nhận số tiền 1000.000đ (một triệu đồng) T đi đến khu vực xóm cây gạo tại thị trấn Vạn Giã mua của một thanh niên không rõ tên được 08 tép heroin và sử dụng hết. Sau đó T đi đến nhà cô ruột là Lê Thị Thu T1 trú tại thôn H2, xã T, huyện N, tỉnh Khánh Hòa chơi.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, anh V biết mình bị mất xe nên nhờ ông N đi tìm giùm. Do nghi ngờ T trộm xe nên ông N tìm gặp T tại nhà chị T1, ông N hỏi T có lấy xe của anh V không thì T trả lời là không có lấy nên ông N đi về nhà. Lúc này chị T1 gạn hỏi thì T thú nhận đã lấy trộm xe đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài hết. Chị T1 hứa cho tiền chuộc xe trả lại cho anh V và sang nhà ông N nói cho ông N biết vụ việc. Sau đó T cùng chị T1 và người nhà ông N đi đến nhà anh M để chuộc xe. T vào nhà anh M xin chuộc xe, anh M đồng ý và giao xe 79F7-7179 cho T chạy ra ngoài đường rồi lấy tiền sau. T chạy xe ra khỏi nhà anh M một đoạn thì bị mọi người chặn lại và báo cho Cơ quan Công an đến lập biên bản thu giữ xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 51/2017/KL-TTHS ngày 24 tháng 11 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N - tỉnh Khánh Hòa kết luận tài sản trộm cắp là 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Dream, biển số 79F7-7179 trị giá: 11.200.000đ (mười một triệu hai trăm nghìn đồng);

Lê Văn T đã có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, Công an huyện N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2017.

Đối với anh Võ Văn M có nhận cầm cố xe 79F7-7179, nhưng khi nhận cầm cố xe anh M không biết đây là xe do trộm cắp mà có nên không chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Công an huyện N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2017 về hành vi cầm cố xe không có giấy tờ chính chủ.

Đối với người thanh niên đã bán ma túy cho Lê Văn T sử dụng, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý sau.

Anh Nguyễn Phan Quốc V đã nhận lại xe mô tô 79F7-7179 và không còn yêu cầu gì khác.

Anh Võ Văn M không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1000.000đ (một triệu đồng) tiền cầm cố xe và cũng không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-KSĐT ngày 15 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện N - tỉnh Khánh Hòa đã truy tố để xét xử bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lê Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Văn T theo tội danh, khung hình phạt như trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo tù 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị không xét về bồi thường thiệt hại về tài sản giữa bị cáo và anh Nguyễn Phan Quốc V, anh Võ Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T đã khai nhận hành vi của mình thực hiện việc trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Phan Quốc V như nội dung bản Cáo trạng số 09/CT-KSĐT ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N - tỉnh Khánh Hòa đã nêu. Lời khai

của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận khoảng 14 giờ 30 phút ngày 13/11/2017 tại nhà anh Trần Văn N thuộc thôn H2 - xã T - huyện N - tỉnh Khánh Hòa, Lê Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển số 79F7-7179 trị giá 11.200.000đ (mười một triệu hai trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Lê Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của anh Nguyễn Phan Quốc V; gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo là người có 02 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và có tiền án 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 15/2015/HSST ngày 17/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện N - tỉnh Khánh Hòa), chưa được xóa án tích. Lẽ ra bị cáo phải nghiêm túc sửa chữa, khắc phục những sai phạm của mình, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, chăm lo làm ăn để trở thành người có ích cho xã hội. Nhưng ngược lại, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội là thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, giúp bị cáo yên tâm cải tạo.

Xét đề nghị của kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, Tòa thấy: với hành vi phạm tội của bị cáo đã bị phát hiện và bị cáo đã bị bắt chứ không phải thuộc trường hợp chưa có ai biết và tự bị cáo đến khai báo với cơ quan có thẩm quyền nên đây không phải là trường hợp “Người phạm tội tự thú”. Vì vậy nên không thể đáp ứng được đề nghị của kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Phan Quốc V đã được nhận lại tài sản bị trộm cắp là chiếc xe mô tô 79F7-7179.

Tại phiên tòa, anh V vắng mặt nhưng căn cứ lời khai của anh V có tại hồ sơ vụ án thì anh V không còn yêu cầu bồi thường hoặc còn có khiếu nại gì khác, nên Tòa không xem xét.

Anh Võ Văn M đã cầm cố xe mô tô 79F7-7179 cho bị cáo với số tiền 1000.000đ (một triệu đồng). Tại phiên tòa, anh M vắng mặt nhưng căn cứ lời khai của anh M có tại hồ sơ vụ án thì anh M không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên hoặc còn có yêu cầu gì khác, nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí:

Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự:

Không xét về việc bồi thường thiệt hại về tài sản giữa bị cáo Lê Văn T và anh Nguyễn Phan Quốc V.

Không xét về việc bồi thường thiệt hại về tài sản giữa bị cáo Lê Văn T và anh Võ Văn M.

- Về án phí:

Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo của bị cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; quyền kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự huyện N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA;
- Lưu: VT, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hòa Thanh

